



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU
TẠI NHA TRANG

Địa chỉ: 387/6 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU TẠI
NHA TRANG**

PHẦN MỤC LỤC

(Báo cáo kiểm toán số: 06/BCTC -AEA - NT ngày 11/03/2025)

<u>Stt</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03-04
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	07
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-19



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Công ty

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty 100% vốn Nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Lâm nghiệp Di Linh (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 30/06/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000449 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2012 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, cấp sửa đổi gần nhất ngày 29/04/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất là 190.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ đồng).

2. Trụ sở chính

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

3. Hoạt động kinh doanh chính

* Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Hoạt động QLBR; hoạt động khai thác chế biến gỗ thành phẩm từ rừng trồng và hoạt động kinh doanh xăng dầu.

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Số 4 Trần Hưng Đạo, Phường 03, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ban lãnh đạo Công ty

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này như sau:

a. Hội đồng thành viên

- Ông Lê Thành Thái	Chủ tịch HĐQTV- Người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Ông Trần Hoàng Nhất	Thành viên
- Ông Vĩnh Sơn	Thành viên
- Ông Phạm Hữu Hào	Thành viên
- Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên

b. Ban Giám đốc

- Ông Trương Văn Hiếu	Giám đốc
- Ông Hàn Văn Nam	Phó Giám đốc

c. Kiểm soát viên

- Ông Phạm Hòa Nam	Trưởng ban kiểm soát
--------------------	----------------------

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo nhận định của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ kê toán đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của HĐQT và Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

HĐTV và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, các xét đoán và ước tính chi phí quan trọng và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

8. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Á Âu tại Nha Trang được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục thực hiện công tác kiểm toán cho Công ty.

Ngày 11 tháng 03 năm 2025
Thay mặt Hội đồng thành viên



Lê Thanh Thái
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thông tin cần thiết để đối chiếu, xác nhận các khoản công nợ phải thu, phải trả đã trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Doanh thu QLBNR tạm ghi nhận theo đơn giá kế hoạch năm 2024 do thời điểm kiểm toán đơn giá 2024 chưa được UBND tỉnh phê duyệt. Doanh thu cung ứng DVMTR tạm ghi nhận theo Quyết định 1831/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chi kinh phí dịch vụ môi trường rừng tỉnh Lâm Đồng năm 2024.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các khoản mục đã nêu trên, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN Á ÂU TẠI NHA TRANG



TRẦN VŨ NGUYỄN HÀ

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2333-2023-111-1

LÊ THANH VÂN

Kiểm toán viên Việt Nam

GCN ĐKHN Kiểm toán số 3166-2020-111-1

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thông K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.591.518.007	49.518.494.974
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.941.749.397	2.740.703.813
Tiền	111		4.941.749.397	1.240.703.813
Các khoản tương đương tiền	120		-	1.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.000.000.000	31.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	131	V.02	29.000.000.000	31.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.430.010.272	11.859.736.249
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	9.385.582.178	8.488.084.359
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	372.140.000	540.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.672.288.094	2.831.651.890
Hàng tồn kho	140	V.06	1.818.676.181	3.819.886.367
Hàng tồn kho	141		1.818.676.181	3.819.886.367
Tài sản ngắn hạn khác	150		401.082.157	98.168.545
Chi phí trả trước ngắn hạn	222	V.07	32.389.659	43.404.168
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.08	368.692.498	54.764.377
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.036.773.978	169.501.020.270
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		12.868.853.878	12.480.335.018
TSCĐ hữu hình	221	V.09	12.868.853.878	12.480.335.018
Nguyên giá	222		32.853.652.191	30.736.790.692
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.984.798.313)	(18.256.455.674)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	679.848.001	240.335.805
Bất động sản đầu tư	411		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	421		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		156.488.072.099	156.780.349.447
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	472.896.179	157.225.594
Tài sản dở dang dài hạn khác		V.12	156.015.175.920	156.623.123.853
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		217.628.291.985	219.019.515.244

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thông K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300	5.426.496.701	6.919.909.291
Nợ ngắn hạn	310	3.599.646.461	5.045.618.459
Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.13	67.972.938	5.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.14	319.631.431	190.724.204
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.15	299.349.603	407.023.148
Phải trả người lao động	314 V.16	2.560.303.362	3.945.056.288
Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.17	66.275.184	30.332.505
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 V.18	286.113.943	467.482.314
Nợ dài hạn	330	1.826.850.240	1.874.290.832
Phải trả dài hạn khác	337 V.19	1.256.144.250	1.256.144.250
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343 V.20	570.705.990	618.146.582
VỐN CHỦ SỞ HỮU		212.201.795.284	212.099.605.953
Vốn chủ sở hữu	410	197.431.395.821	197.086.138.128
Vốn góp của chủ sở hữu	411	8.617.730.943	8.617.730.943
Vốn khác của chủ sở hữu	414	175.066.145.075	175.066.145.075
Quỹ đầu tư phát triển	418	11.833.309.601	11.194.044.481
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	(90.666.667)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.927.542.974	2.130.883.734
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	77.333.895	77.333.895
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	14.770.399.463	15.013.467.825
Nguồn kinh phí	431 V.22	14.491.027.764	14.698.290.495
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432 V.23	279.371.699	315.177.330
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		217.628.291.985	219.019.515.244

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Người lập

Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng

Lê Thị Kiều Thu

Ngày 11 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng thành viên



Lê Thành Thái

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	38.218.660.851	41.747.905.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.218.660.851	41.747.905.428
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	30.111.484.041	32.639.452.911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.107.176.810	9.108.452.517
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.575.391.236	2.372.361.745
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.27	351.678.798	209.230.539
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.28	7.205.701.611	7.908.058.767
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.125.187.637	3.363.524.956
11. Thu nhập khác	31	VI.29	317.397.686	30.905.134
12. Chi phí khác	32	VI.30	28.970.470	548.375.653
13. Lợi nhuận khác	40		288.427.216	(517.470.519)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.413.614.853	2.846.054.437
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	486.071.879	715.170.703
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.927.542.974	2.130.883.734
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập


Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng


Lê Thị Kiều Thu

Ngày 11 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng thành viên



Lê Thành Thái

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP TRỰC TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		40.532.378.128	31.414.592.375
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(13.999.273.444)	(16.736.172.486)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.963.638.815)	(11.438.200.489)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		-	(75.335.662)
5 Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(804.800.000)	(442.591.090)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.733.293.949	22.683.123.051
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.392.087.956)	(25.480.092.980)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		105.871.862	(74.677.281)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(3.119.817.514)	(246.094.459)
2 Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		139.600.000	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(23.500.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		13.500.000.000	20.500.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.575.391.236	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.095.173.722	(3.246.094.459)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.201.045.584	(3.320.771.740)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.740.703.813	6.061.475.553
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.941.749.397	2.740.703.813

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập
Lê Thị Mai ThảoLê Thị Kiều Thu
Kế toán trưởngLê Thành Thái
Chủ tịch Hội đồng thành viên

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thông K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty 100% vốn Nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Lâm nghiệp Di Linh (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 30/06/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000449 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2012 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, cấp sửa đổi gần nhất ngày 29/04/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất là 190.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ đồng).

Công ty có trụ sở đặt tại: Km93 Quốc Lộ 28, thông K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh:

- + Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- + Trồng cây cao su; Chăn nuôi khác; Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- + Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- + Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- + Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- + Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- + Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trong danh mục Nhà nước cho phép);
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế nha khoa chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ y tế từ gỗ (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện và gia công cơ khí tại trụ sở);
- + Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng các công trình nông, lâm nghiệp;
- + Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái;
- + Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây lâu năm khác;
- + Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm;
- + Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- + Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu [các loại cổ phiếu, công trái, các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác được niêm yết, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn] có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua). Lãi thu được từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận trên doanh thu hoạt động tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán Nợ các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có);

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

* Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

** Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013; Thông tư sửa đổi số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư sửa đổi số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Các tài sản cố định hữu hình phục vụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao cụ thể như sau:

TSCĐ hữu hình:	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc, thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
TSCĐ khác	05-20

b. TSCĐ vô hình:

Công ty không có TSCĐ vô hình.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan (nếu có) phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

8. Nguyên tắc kế toán Nợ các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, bao gồm:

* Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (tổ chức, cá nhân) là đơn vị độc lập với Công ty.

* Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả từ thực hiện giao dịch không mang tính thương mại.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải được tính toán chặt chẽ và phải có bằng chứng tin cậy, hợp lý.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn do nhà nước cấp kinh phí đầu tư vào giá trị rừng trồng được ghi nhận theo từng năm sau khi được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán công trình lâm sinh hình thành từ các năm trước.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Năm 2024, Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu đặt hàng quản lý bảo vệ rừng (nguồn kinh phí từ Sở Tài chính; Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng); Doanh thu bán hàng hóa (xăng, dầu) và doanh thu từ hoạt động bán các sản phẩm gỗ từ rừng trồng. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp trong kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính là số thuế thu nhập phải nộp trong năm;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính bao gồm cả thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
	<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	264.833.870	64.968.970
	+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	264.833.870	64.968.970
	+ Tiền mặt tại quỹ ngoại tệ	-	-
	<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>	4.676.915.527	1.175.734.843
	<i>Tiền gửi ngân hàng Ngoại tệ</i>	-	-
	<i>Tiền đang chuyển</i>	-	-
	<i>Các khoản tương đương tiền</i>	-	1.500.000.000
	Tổng cộng	4.941.749.397	2.740.703.813
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối năm	Đầu năm
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	29.000.000.000	31.000.000.000
	Tổng cộng	29.000.000.000	31.000.000.000
3.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
	Công ty TNHH Bích Giang Đà Lạt	-	161.381.000
	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Lâm sản Đà Lạt	-	267.787.100
	Công ty TNHH SXTM Dịch vụ và Vận chuyển Hải Minh Phú	963.291.299	313.717.200
	Công ty CP Đầu tư Trang My Đạt	162.483.000	162.483.000
	Công Ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Gỗ Bao Bì Đức Huy	34.074.900	-
	Công Ty TNHH Kinh Doanh Thương Mại Và Dịch Vụ Vinfast	19.800.000	-
	Các đối tượng khác	8.205.932.979	7.582.716.059
	Tổng cộng	9.385.582.178	8.488.084.359
4.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
	Công Ty TNHH An Toàn Việt	200.000.000	200.000.000
	Công Ty TNHH SXTM DV và Vận Chuyển Hải Minh Phú	-	150.000.000
	Lê Văn Thọ	35.560.000	60.000.000
	Phạm Anh Việt	-	130.000.000
	CÔNG TY TNHH KINH DOANH HOÀNG GIA II	68.580.000	-
	CÔNG TY TNHH TRẮC ĐỊA SÀI GÒN	68.000.000	-
	Tổng cộng	372.140.000	540.000.000
5.	Phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
	Tạm ứng	862.715.151	1.483.394.340
	Phải thu BHXH	-	58.344.243
	Phải thu khác (lãi dự thu-thu hộ thuế TNCN)	809.572.943	1.289.913.307
	Tổng cộng	1.672.288.094	2.831.651.890

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.

Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu

Công cụ dụng cụ

Thành phẩm

Hàng hóa

Cộng giá gốc hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Giá trị thuần có thể thực hiện được

Cuối năm

Đầu năm

162.583.488

212.672.993

5.405.274

3.820.263

1.523.378.114

3.396.967.754

127.309.305

206.425.357

1.818.676.181

3.819.886.367

-

1.818.676.181

3.819.886.367

7.

Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ ngắn hạn chờ phân bổ

Tổng cộng

Cuối năm

Đầu năm

32.389.659

43.404.168

32.389.659

43.404.168

8.

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế TNDN nộp thừa

Tổng cộng

Cuối năm

Đầu năm

368.389.666

54.764.377

368.389.666

54.764.377

9.

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Đầu kỳ

Tăng

Giảm

Cuối kỳ

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc thiết bị

Phương tiện vận tải

TSCĐ khác

Tổng

Khấu hao lũy kế

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc thiết bị

Phương tiện vận tải

TSCĐ khác

Tổng

Giá trị còn lại

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc thiết bị

Phương tiện vận tải

TSCĐ khác

Tổng

21.148.161.011

4.573.184.386

4.280.133.012

735.312.283

30.736.790.692

10.793.988.001

3.176.538.781

3.720.121.673

565.807.219

18.256.455.674

1.003.576.763

48.950.000

759.996.370

304.338.366

2.116.861.499

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

22.151.737.774

4.622.134.386

5.040.129.382

1.039.650.649

32.853.652.191

11.984.660.155

3.359.962.778

4.019.788.709

620.386.671

19.984.798.313

10.167.077.619

1.262.171.608

1.020.340.673

419.263.978

12.868.853.878

10.

Chi phí XD CB dở dang

Xây dựng cơ bản

Trồng và chăm sóc rừng thông

Tổng cộng

Cuối năm

Đầu năm

-

21.092.182

679.848.001

219.243.623

679.848.001

240.335.805

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thông K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
CCDC dài hạn chờ phân bổ	472.896.179	157.225.594
Tổng cộng	472.896.179	157.225.594
12. Tài sản dở dang dài hạn khác (*)	Cuối năm	Đầu năm
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm	146.894.030.648	148.585.242.262
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2019	3.245.210.302	3.245.210.302
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2020	3.049.870.911	2.457.890.320
Trồng rừng sau KTT và chăm sóc rừng trồng các năm 2021	2.826.064.059	2.334.780.969
Tổng cộng	156.015.175.920	156.623.123.853
(*) Tài sản dở dang dài hạn khác là các khoản chi phí SXKD dở dang (chi phí trồng và chăm sóc rừng trồng) theo Kế hoạch của UBND tỉnh Lâm Đồng, mang tính chất dài hạn.		
13. Phải trả người bán ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Đức Trung Lâm Đồng	5.000.000	5.000.000
Công Ty TNHH Kiến Trúc Cao Nguyên Xanh	22.348.448	-
Công Ty TNHH Sản Xuất TMDV và Vận Chuyển Hải Minh Phú	32.428.490	-
Công Ty TNHH Thiết Bị Khánh Đăng	4.196.000	-
Công Ty TNHH Xây Dựng Và Dịch Vụ Minh Hoàng LN	4.000.000	-
Tổng cộng	67.972.938	5.000.000
14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Công Ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Gỗ Bao Bì Đức Huy	-	50.000.000
Công Ty TNHH Công Nghiệp Phú Minh Trí	100.000.000	100.000.000
Công Ty TNHH Tân Liên Thành	36.645.204	36.645.204
Công Ty Cổ Phần Long Đình	127.500.000	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và XNK Nông Sản Tây Nam Bộ	50.000.000	-
Các đối tượng khác	5.486.227	4.079.000
Tổng cộng	319.631.431	190.724.204
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT	285.216.508	365.014.865
Thuế TNCN	12.799.762	9.902.608
Thuế khác	1.333.333	32.105.675
Tổng cộng	299.349.603	407.023.148
16. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Lương phải trả quản lý	998.980.000	1.379.442.000
Lương phải trả nhân viên	1.561.323.362	2.565.614.288
Tổng cộng	2.560.303.362	3.945.056.288

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

17.	Chi phí phải trả ngắn hạn		Cuối năm	Đầu năm
	Các khoản chi phí phải trả khác		66.275.184	30.332.505
	Tổng cộng		66.275.184	30.332.505
18.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		Cuối năm	Đầu năm
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		286.113.943	467.482.314
	Tổng cộng		286.113.943	467.482.314
19.	Phải trả dài hạn khác		Cuối năm	Đầu năm
	Phải trả dự án Flitch		1.256.144.250	1.256.144.250
	Tổng cộng		1.256.144.250	1.256.144.250
20.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ		Cuối năm	Đầu năm
	Quỹ phát triển khoa học công nghệ		570.705.990	618.146.582
	Tổng cộng		570.705.990	618.146.582
21.	Vốn chủ sở hữu			
	a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu			
			Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa PP và các quỹ
	Số dư đầu năm trước		8.617.730.943	1.880.732.982
	Góp vốn trong năm		-	-
	Lãi trong năm		-	2.130.883.734
	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	(1.880.732.982)
	Điều chỉnh giảm khác		-	-
	Số dư cuối năm trước		8.617.730.943	2.130.883.734
	Số dư đầu năm nay		8.617.730.943	2.130.883.734
	Góp vốn trong năm		-	-
	Lãi trong kỳ		-	1.927.542.974
	Phân phối LN		-	(2.130.883.734)
	Điều chỉnh tăng khác		-	-
	Điều chỉnh giảm khác		-	-
	Số dư cuối kỳ		8.617.730.943	1.927.542.974
	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu
Số dư đầu năm	0	77.333.895	11.194.044.481	175.066.145.075
Tăng trong năm	110.993.614	-	639.265.120	-
Giảm trong năm	201.660.281	-	-	-
Số dư cuối năm	(90.666.667)	77.333.895	11.833.309.601	175.066.145.075

(Hàng năm, Công ty phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ theo Quyết định của UBND tỉnh Lâm Đồng).

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

b. Vốn pháp định**Giấy phép kinh doanh****VND**

190.000.000.000

190.000.000.000

Vốn góp đến 31/12/2024**Tổng cộng VND**

183.683.876.018

183.683.876.018

22. Nguồn kinh phí**Cuối năm****Đầu năm**

Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay

11.146.372.695

10.303.323.499

Nguồn tái tạo rừng sau KTT và T09

7.754.457.713

7.754.457.713

Nguồn vốn rừng để án

34.291.998

34.291.998

Nguồn vốn đầu tư công trồng rừng đất trống

1.476.889.184

-

Nguồn dịch vụ môi trường rừng

-

2.667.028.785

Chi sự nghiệp

(5.920.983.826)

(6.060.811.500)

Tổng cộng**14.491.027.764****14.698.290.495****23. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ****Cuối năm****Đầu năm**

Nguồn kinh phí đầu năm

315.177.330

350.825.058

Nguồn kinh phí tăng trong năm

-

-

Nguồn kinh phí giảm trong năm (hao mòn TSCĐ)

(35.805.631)

(35.647.728)

Nguồn kinh phí cuối năm

279.371.699**315.177.330****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****Năm nay****Năm trước****24. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****38.218.660.851****41.747.905.428****Trong đó:**

Doanh thu QLBRV theo đơn giá Nhà nước đặt hàng

12.141.229.644

14.825.491.490

Doanh thu khai thác, chế biến gỗ thành phẩm

15.794.000.615

18.278.271.230

Doanh thu bán hàng hóa

10.283.430.592

8.644.142.708

Các khoản giảm trừ doanh thu:

-

-

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**38.218.660.851****41.747.905.428****25. Giá vốn hàng bán****Năm nay****Năm trước**

Giá vốn QLBRV

8.020.384.259

11.162.954.322

Giá vốn thành phẩm đã bán

12.416.272.878

13.476.085.971

Giá vốn hàng hóa đã bán

9.674.826.904

8.000.412.618

Tổng cộng**30.111.484.041****32.639.452.911****26. Doanh thu hoạt động tài chính****Năm nay****Năm trước**

Lãi tiền gửi ngân hàng

1.575.391.236

2.372.361.745

Tổng cộng**1.575.391.236****2.372.361.745**

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

27. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	241.639.784	134.432.478
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	49.574.843	33.462.276
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.300.000	3.735.152
Chi phí bằng tiền khác	46.164.171	37.600.633
Tổng cộng	351.678.798	209.230.539
28. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.696.396.351	4.816.931.467
Chi phí đồ dùng văn phòng	79.365.524	94.047.630
Chi phí khấu hao TSCĐ	660.066.385	717.120.273
Thuế, phí và lệ phí	44.032.872	91.481.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.182.365	225.773.595
Chi phí bằng tiền khác	1.611.658.114	1.962.704.093
Tổng cộng	7.205.701.611	7.908.058.767
29. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Xử lý khoản ký quỹ lâu năm	-	30.000.000
Thanh lý TSCĐ	128.796.296	-
Thu nhập khác	188.601.390	905.134
Tổng cộng	317.397.686	30.905.134
30. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí nộp phạt thuế	16.744.544	510.533.469
Phá dỡ TSCĐ	-	31.532.025
Chi phí thanh lý TSCĐ	12.225.926	-
Chi phí khác	-	6.310.159
Tổng cộng	28.970.470	548.375.653
31. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.413.614.853	2.846.054.437
+ Các khoản điều chỉnh tăng LN kế toán (các khoản chi không được trừ)	16.744.544	516.843.628
+ Các khoản điều giảm LN kế toán:	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.430.359.397	3.362.898.065
+ Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông	486.071.879	672.579.613
Thuế TNDN truy thu năm trước	-	42.591.090
Thuế TNDN phải nộp trong năm	486.071.879	715.170.703

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP DI LINH

Km93 Quốc Lộ 28, thôn K'Long Trao II, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. Những thông tin khác

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ tài chính tại ngày 31/12/2024

Ban giám đốc Công ty khẳng định không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

2. Số liệu so sánh

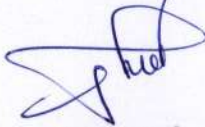
Theo số liệu kiểm toán được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế ATAX, lập ngày 15/03/2024 (trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ áp dụng theo phương pháp mới (Phương pháp trực tiếp) được so sánh với số liệu BCTC năm 2023 do Công ty lập tháng 3/2024).

Người lập



Lê Thị Mai Thảo

Kế toán trưởng



Lê Thị Kiều Thu



Ngày 11 tháng 03 năm 2025
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Lê Thanh Thái